

Số: 36/KH-DTNT.BH

Bắc Hà, ngày 28 tháng 8 năm 2021

## KẾ HOẠCH

### Phát triển sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo năm học 2022-2023

Căn cứ công văn số 1349/SGD&ĐT-KHTH, ngày 06 tháng 8 năm 2021 về việc xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục Đào tạo năm 2022. Trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục Đào tạo năm học 2022 – 2023 như sau:

**I. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020 (năm học 2020-2021) và ước thực hiện kế hoạch năm 2021 (năm học 2021-2022)**

**1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2020-2021**

**1.1. Tình hình mạng lưới trường, lớp học:**

- Kế hoạch giao: Tổng số 14 lớp, trong đó cấp THCS= 8 lớp; THPT= 6 lớp;
- Số học sinh cấp THCS: 280; THPT: 210
- Số học sinh/lớp: 35 Học sinh
- Sò trường, điểm trường: 01
- Số lớp giảm: 0
- Số lớp ghép: 0

Đánh giá: Thực hiện: 100% Kế hoạch giao;

**1.2. Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi:**

- Kế hoạch giao 14/14 lớp với 490/490 HS;
- Thực hiện: 14/14 lớp với 490/490 HS đạt 100% KH giao.
- Tuyển mới khối 6 và khối 10 là 140 học sinh đạt 100% kế hoạch.
- Đánh giá: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp 9 với cấp THCS và đ

TN THPT luôn đạt 100%.

- Học sinh bỏ học: Không

- Số lượng học sinh vào đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp năm 2020 của trường: 50 học sinh.

**1.3. Chất lượng giáo dục toàn diện:**

- **Chất lượng, hiệu quả giáo dục của học sinh**

Xếp loại	Số lượng	Tốt/giỏi		Khá		Trung bình		Yếu		Ghi chú
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Hạnh kiểm	490	362	73,8	127	26,0	1	0,2			Hạnh kiểm (Tốt, Khá; TB). Học lực (Giỏi, Khá, TB)
Học lực	490	27	5,5	344	70,2	119	24,3			

Hiệu quả giáo dục: Làm tốt công tác phân luồng hướng nghiệp cho HS sau tốt nghiệp THCS và THPT. Cấp THCS tốt nghiệp đạt 100%, có 67/70 học sinh vào học tiếp THPT đạt 95,7%, trong đó có 39 HS đỗ PTDTNT Bắc Hà; 16 HS DTNT Tỉnh, 12 học sinh đỗ trường THPT Số 1,2 BH; 01 em học nghề, 02 em ở nhà .

- Thi Tốt nghiệp THPT: Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 100%, phổ điểm cao ở các bộ môn (Môn Lịch sử: thứ 1; GDCD: thứ 1; Địa lý: thứ 2; môn Sinh: Thứ 3; Môn Hóa: thứ 8; Môn Vật lý: Thứ 15; Môn Toán: thứ 4; tiếng Anh: thứ 6; Ngữ văn: thứ 11).

Kết quả Đổ vào các trường ĐH và CĐ: Hiện nay có 40 HS đăng ký thi vào ĐH; 8 HS đăng ký CĐ còn lại các em học TCN và đi làm công nhân.

+ Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi do Sở và ngành tổ chức, đều có HS đạt giải cấp Tỉnh. Trong năm học 2020-2021 nhà trường đã đạt các giải sau:

STT	Cuộc thi	Giải				Tổng
		Nhất	Nhì	Ba	KK	
1	HSG cấp trường					
2	HSG cấp Huyện		4	6	27	37
3	HSG cấp tỉnh		2	2	11	15
4	NCKH cấp Tỉnh		1	1	1	3giải; (Nhất toàn đoàn)
5	Thi Sáng tạo TTNND Tỉnh			1		

So với cùng kỳ năm trước và kế hoạch, mục tiêu đề ra đầu năm, đa số chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.

- Việc đổi mới kiểm tra đánh giá được triển khai thực hiện theo TT 26 đối với cấp THPT, đối với cấp THCS học theo mô hình trường học mới đánh giá học sinh theo văn bản 1472, quy đổi 831. Vận dụng các mô hình trường học gắn thực tiễn; giáo dục STEM; NCKHKT được triển khai rộng rãi: Thực hiện nghiêm túc Công văn chỉ đạo số 1479/SGD&ĐT-GDTrH ngày 11/9/2020 của Sở GD&ĐT về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục STEM và chỉ đạo triển khai tới toàn thể GV nghiên cứu thực hiện.

+ Thực hiện theo chỉ đạo của nhà trường, kết hợp tổ chức được 01 ngày hội STEM trong nhà trường, thực hiện 20 tiết học dạy học STEM theo hình thức dạy học liên môn các môn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Toán học cho khối 6,10 .

+ Trong năm học thực hiện được 86 tiết giáo dục gắn với thực tiễn; thực hiện NCKH được phát huy và đẩy mạnh trong câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, đã thực hiện được 06 sản phẩm dự thi cấp trường, tham gia cấp tỉnh 03 sản phẩm và đạt 01 giải nhì, 01 giải ba, 01 giải tư; được xếp thứ nhất toàn đoàn.

+ Các tổ chuyên môn đều đã xây dựng kế hoạch, xác định các nội dung có thể áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức dạy thử nghiệm, dự giờ, đánh giá rút kinh nghiệm. Tham gia Hội thảo đổi mới phương pháp dạy học cấp cụm, tham gia hội thảo cấp tỉnh. Cùng cố nề nếp hoạt động của tổ; sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, nội dung sinh hoạt tập trung trao đổi thiết kế bài dạy, tìm hiểu những vấn đề khó, trao đổi các tình huống dạy học theo hướng đổi mới PPDH, rút kinh nghiệm tiết dạy...Việc đánh giá tiết dạy chuyển từ chú ý đến truyền thụ của GV sang chú ý đánh giá năng lực tổ chức các hoạt động khám phá tri thức của HS.

#### **1.4. Tình hình thực hiện Đề án số 6, Nghị quyết, Thông báo của Tỉnh ủy:**

- Nhà trường đã triển khai đề án 06 về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025 đến tất cả CBGV, NV.

- Chỉ đạo Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực chất; duy trì vững chắc, chất lượng giáo dục; đẩy mạnh phân luồng học sinh; phát triển giáo dục dân tộc; tăng

cường ứng dụng CNTT và giáo dục STEM; từng bước nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong nhà trường ; xây dựng trường chuẩn quốc gia; phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.

- Hạn chế:

+ Điều kiện tổ chức các hoạt động giáo dục khó khăn: Phòng học máy tính chất lượng thấp khó khăn trong thực hành các tiết dạy CNTT và thực hiện dạy, thi online.

+ Công tác xây dựng trường chuẩn và kiểm định chất lượng : Nhà trường duy trì các tiêu chí trường chuẩn Quốc gia. Tuy nhiên còn 2 tiêu chí chỉ đạt mức 1, lý do thiếu CBQL và nhân viên theo vị trí việc làm, đồng thời CSVC còn có chỗ có nguy cơ mất an toàn; thiết bị dạy học (phòng máy tính) chưa đảm bảo.

### **1.5. Tình hình đội ngũ:**

\* **Biên chế giao:** 58 người;

\* **Thực hiện:**

- Tổng CBGV, NV là 55 (BGH 02, giáo viên 33 (cấp THCS 12; giáo viên THPT 21 (01 GV Văn THPT đến 31/5/2021 hết hợp đồng)); Nhân viên 20 người trong đó biên chế 8 người, hợp đồng cấp dưỡng theo nghị định 161 là 10 người; 02 nhân viên (Y Tế, Kế toán hợp đồng trong biên chế lương); có 01 nhân viên Bảo vệ chưa qua đào tạo).

- Hiện tại, thiếu 04 vị trí (01 vị trí Phó hiệu trưởng, thiếu 01 GV Ngữ văn THPT; 01 vị trí Văn thư và 01 vị trí CNTT). Cơ cấu bộ môn không đồng đều, môn Văn THPT chỉ có 01 GV; môn Sinh, thể dục có dôi dư (Mỗi môn 0,5 định mức).

\* **Kết quả phân xếp loại đội ngũ năm học 2020 - 2021:**

+ Đánh giá xếp loại CBQL theo chuẩn: 2/2 đ/c; trong đó: 02 Khá; Xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp: Tốt: 0đ/c, Khá: 33 đ/c.

+ Phân xếp loại viên chức HTSXNV: 19, HTTNV: 32. HTNV: 4

+ Thi đua: 31 đồng chí đạt Lao động tiên tiến; 08 đồng chí đạt CSTĐ cấp cơ sở;

### **1.6. Về đầu tư CSVC trường học:**

**a. Cơ sở vật chất trường , lớp:** Đảm bảo tối thiểu cho các hoạt động dạy học, nuôi dưỡng chăm sóc học sinh. Số phòng học 14 phòng học đảm bảo theo tiêu chuẩn. Số phòng học chức năng: 08 phòng. Số phòng làm việc: 11 phòng. Số phòng ở nội trú: 52 phòng, bình quân 10 học sinh/phòng. Nhà ăn: diện tích đủ chỗ ăn cho học sinh. Có nhà ở công vụ cho giáo viên.

#### **b. Khó khăn:**

- Phòng học Tin học được trang cấp từ những năm 2009; 2012 đã xuống cấp, thường xuyên phải sửa chữa, không đồng bộ, sử dụng không hiệu quả ảnh hưởng đến chất lượng dạy học bộ môn và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Các phòng học Bộ môn chưa đảm bảo theo quy định mới (Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020).

- Khu Nội trú, hệ thống khu vệ sinh KTX (Thoát sàn, ống thoát nước), tường rào quanh trường, khu sau Văn phòng nay xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn cho HS.

- Khu lớp học, Nhà Đa năng bị nứt.

- Hệ thống nước toàn trường yếu, gây thiếu nước sinh hoạt cho HS nội trú và các HĐ của trường.

### **1.7. Về thực hiện công tác quản lý tài chính**

- Định mức phân bổ ngân sách theo Nghị quyết 89/2016 của HĐND
- + Định mức chi thường xuyên thực tế được phân bổ là 21 triệu/biên chế, dự toán được giao 1.218 triệu đạt tỷ lệ 100% so với định mức theo NĐ 89;
- + Các khoản chi đặc thù đảm bảo kinh phí cho các hoạt động hỗ trợ các kỳ thi, ôn thi tốt nghiệp THPT, ôn thi học sinh giỏi cấp Tỉnh.
- + Thuận lợi: Định mức chi thường xuyên được phân bổ theo nghị quyết 89/2016 đã đáp ứng được nhu cầu chi phí chi thường xuyên cho hoạt động của đơn vị.
- + Khó khăn: Không
- Thực hiện chi thường xuyên năm 2020 và 8 tháng đầu năm 2021, ước thực hiện cả năm 2021
- + Thực hiện chi thường xuyên năm 2020: 6.468,9 triệu
- + Kinh phí được giao 2021: 8.228 triệu
- Trong đó kinh phí đã thực hiện:
  - Các khoản thanh toán cá nhân : 4.383 triệu
  - Chi công tác phí, chi chuyên môn: 85,908 triệu
  - Sửa chữa cơ sở vật chất: 10,5 triệu
- + Ước thực hiện năm 2021 là: 7.935 triệu
- Tình hình thực hiện chính sách của Nhà nước và địa phương đối với HS:
  - + Kinh phí được giao: 8.440 triệu, chi học bổng cho học sinh: 5.764 triệu, chi các hoạt động của học sinh nội trú: 1.946 triệu; các khoản đặc thù: 730 triệu đồng;
  - + Thuận lợi: KP được giao từ đầu năm, đảm bảo chế độ, chính sách cho HS.
  - + Khó khăn: Không
  - Chính sách đối với giáo viên:
    - + Thuận lợi: Kinh phí được cấp đáp ứng đầy đủ chế độ chính sách của giáo viên như thâm niên nhà giáo, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp đặc thù trường nội trú.
    - + Khó khăn: Không.
  - Đánh giá huy động các nguồn kinh phí xã hội hóa: Không thực hiện.
  - Quản lý, sử dụng các khoản thu, chi dạy thêm, học thêm: Không tổ chức dạy thêm, học thêm.

## **2. Ước thực hiện năm học 2021-2022**

### **2.1. Ước lượng một số chỉ tiêu kế hoạch**

- Duy trì 100% về số lớp và số HS đầu năm.
- Các chỉ tiêu, mục tiêu khác hoàn thành tốt.

### **2.2. Về quy mô học sinh**

- Duy trì số lượng: 100 % không có học sinh bỏ học.
- Học lực: 100% HS xếp loại từ TB trở lên (Khá: 60%; Giỏi: 5% trở lên).
- Hạnh kiểm khá, tốt đạt 96,5%; phần đầu không có Hạnh kiểm yếu.
- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:
  - + Phần đầu giữ vững 100% HS tốt nghiệp; nâng cao chất lượng phổ điểm các bộ môn cao hơn mặt bằng chung của Tỉnh, giữ vững thứ hạng trong top 3 - 4 toàn tỉnh.

+ Tỷ lệ HS đỗ vào các trường chuyên nghiệp (ĐH, CĐ, TCCN, Nghề, Du học): 75%, trong đó: Tỷ lệ đỗ vào ĐH đạt 35% trở lên; tổng điểm 3 môn thi vào các trường Đại học các khối truyền thống (cao nhất): trên 27 điểm.

- Chất lượng lớp 9: Làm tốt công tác phân luồng hướng nghiệp cho HS sau tốt nghiệp THCS. 100% HS tốt nghiệp THCS; phân đầu từ 90% HS học tiếp THPT, trong đó 75% đỗ vào các trường PTDT nội trú; 01 HS đỗ THPT chuyên; số còn lại học nghề.

- Thực hiện tuyển sinh đầu cấp 70 HS (lớp 6)- ra trường 70 (HS lớp 9); 70 HS lớp 10- ra trường THPT (lớp 12) 70 đạt 100%.

2.3. Đánh giá việc mua sắm thiết bị bổ sung mới năm 2021

### **3. Kết quả đạt được**

Năm 2021-2022, nhà trường cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra, Duy trì số lượng đạt 100%, không có học sinh bỏ học, nghỉ học. Việc dạy và học có chuyển biến. Kỷ cương, nề nếp dạy và học có chuyển biến tích cực, đã có phong trào thi đua dạy tốt, học tốt. Chất lượng dạy và học đã có chuyển biến, tỷ lệ học sinh có lực học giỏi, học sinh có lực học khá tăng. Kết quả thi TN THPT được giữ vững ở tốp cao của tỉnh. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống... được quan tâm tổ chức. Khung cảnh trường lớp sạch, đẹp, môi trường giáo dục, điều kiện về cơ sở vật chất tốt, đáp ứng yêu cầu dạy và học. Các hoạt động xây dựng mô hình trường học gắn với thực tiễn được duy trì và phát huy.

Kết quả đạt được vượt chỉ tiêu được giao của cấp trên.

### **4. Tồn tại, hạn chế khó khăn:**

- Thiếu 01 CBQL, 01 cấp dưỡng; 01 Văn thư; 01 CNTT. (Giáo viên cơ bản đủ số lượng, song cơ cấu bộ môn không đồng đều, GV Văn THPT thiếu).

- Điều kiện CSVC còn khó khăn cho thực hiện Chương trình SGK mới, về phòng học bộ môn chưa đạt chuẩn, phòng tin học (đã nêu trên) xuống cấp, không sử dụng được.

- Kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đã có nhiều tiến bộ song chất lượng giải chưa cao. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều.

- Một số cơ sở vật chất của nhà trường đã xuống cấp, hỏng phải sửa chữa nhiều. Hệ thống nước sạch không đủ cho sinh hoạt.

### **5. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

- Một số HS tuyển sinh vào lớp 10 theo cơ cấu, vùng miền điểm thấp nên khi vào học gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng GV/ môn ít, nên việc trao đổi chuyên môn còn gặp khó khăn. Nhận thức về yêu cầu triển khai thực hiện yêu cầu đổi mới giáo dục, khả năng tiếp cận những vấn đề mới của một số cán bộ, giáo viên còn hạn chế, thiếu tinh thần quyết tâm cao, chưa chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong triển khai thực hiện.

- Công tác kiểm tra nội bộ hiệu lực, hiệu quả chưa cao; vai trò chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV chưa được khẳng định rõ.

- Một số công trình, thiết bị của nhà trường được cung cấp, sử dụng nhiều năm nên đã xuống cấp, phải tu sửa.

## **II. Xây dựng kế hoạch phát triển GD&ĐT năm 2022 (Năm học 2022 -2023)**

## **1. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

- Các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về giáo dục và đào tạo, về phát triển kinh tế - xã hội các vùng.

Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo của cả nước thông qua các nhiệm vụ trọng tâm; các đề án, dự án về phát triển trường chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, tăng cường năng lực dạy và học ngoại ngữ; bảo đảm thực hiện các chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo...;

Chỉ thị số 05/CT-UBND ngày 18/8/2014 của UBND tỉnh Lào Cai;

Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030;

Chương trình hành động số 153- CTTr/TU ngày 06/01/2014 của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo;

Đề án số 06 - DA/TU ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy về đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025.

Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường.

## **2. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu**

Thực hiện tốt chủ đề các năm học. Tiếp tục duy trì vững chắc và phát huy những kết quả đã đạt được của những năm học trước, triển khai đồng bộ các giải pháp làm chuyển biến mạnh hơn về chất lượng và hiệu quả đào tạo. Xây dựng Mô hình trường học Nông trại tiêu biểu trong Tỉnh; xây dựng Mô hình trường học “Tự quản-hướng nghiệp- an toàn- hiệu quả”...

Công nhận lại trường học đạt Chuẩn quốc gia, đánh giá ngoài đạt mức độ 2.

### **2.2. Chỉ tiêu phát triển giáo dục:**

#### **2.2.1. Mục tiêu chung**

##### **2.2.1.1 Học sinh:**

- Quy mô: Duy trì 14 lớp với 490/490 HS(Trong đó, Lớp 6,7,10 thực hiện Chương trình GDPT 2018, các lớp 8,9 theo MHTHM; 11,12 theo Chương trình hiện hành).

- Hiệu quả 2 mặt giáo dục học sinh (Thông tư 26, sửa đổi Thông tư 58 về đánh giá học sinh, Thông tư 22 đối với lớp 6,7,10 - Năm học 2022- 2023).

- Học lực: 100% HS xếp loại từ TB trở lên (Khá: 60%; Giỏi: 5% trở lên).

- Hạnh kiểm khá, tốt đạt 96,5%; phần đầu không có Hạnh kiểm yếu.

- Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022: Phần đầu giữ vững 100% HS tốt nghiệp; nâng cao chất lượng phổ điểm các bộ môn cao hơn mặt bằng chung của Tỉnh, giữ vững thứ hạng trong top 3 - 4 toàn tỉnh.

- Chất lượng lớp 9: Làm tốt công tác phân luồng hướng nghiệp cho HS sau tốt nghiệp THCS. 100% HS tốt nghiệp THCS; phần đầu từ 90% HS học tiếp THPT, trong đó 75% đổ vào các trường PTDT nội trú; 01 HS đỗ THPT chuyên; số còn lại học nghề.

- Học sinh đạt HSG văn hóa Cấp Huyện lớp 8-9: 39 giải (có giải nhất, nhì);

- HS đạt HSG cấp tỉnh: 18 giải;

- + Cuộc thi sáng tạo TTNNĐ: 02 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh.
- + Nghiên cứu khoa học: 03 sản phẩm đạt giải cấp tỉnh;
- Tham gia đầy đủ các cuộc thi do Sở GD&ĐT, Bộ GD&ĐT tổ chức và có giải.
- Tỷ lệ học sinh học và thi nghề PT khối 11: Đạt 100%.

#### **2.2.1.2. Tập thể nhà trường:**

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Danh hiệu: Tập thể lao động xuất sắc.
- Khen thưởng: Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh Lào Cai.

#### **2.2.1.3. Các tổ chuyên môn, các tổ công tác:**

- Số giờ có ứng dụng CNTT, ĐMPPDH: 1400 giờ trở lên.
- Vận dụng mô hình trường học mới cấp THPT: 180 tiết trở lên;
- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học: 18 buổi;
- Hướng dẫn nghiên cứu khoa học kỹ thuật: 03 sản phẩm/dự án;
- Xây dựng mô hình trường học gắn thực tiễn 100% CBGV, NV tham gia.
- Số SKKN có áp dụng khoa học NCSP ứng dụng: 5.

#### **2.2.1.4. Các tổ chức đoàn thể:**

- Chi bộ: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Đoàn trường: Đoàn trường vững mạnh xuất sắc.
- Hội Chữ thập đỏ: Vững mạnh xuất sắc.
- Công đoàn: Công đoàn vững mạnh xuất sắc.

#### **2.2.1.5. Cán bộ, giáo viên, nhân viên:**

- Danh hiệu CSTĐCS: 06 đồng chí LĐTT: 35 đồng chí
- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường 03 người.
- Danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường: 27 đồng chí trở lên.
- Số sáng kiến kinh nghiệm và NCKHSPUD: 100% CBQL, GV tham gia;
- Xếp loại chuyên môn: Giỏi: SL: 14 = 43,8%, Khá: SL 18 =56,2%,
- Kết quả xếp loại đánh giá CBQL, giáo viên theo Chuẩn Hiệu trưởng, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. CBQL: Xuất sắc 1/2; Khá 1/2; Giáo viên: 100% GV được đánh giá đạt chuẩn trở lên (Tốt: 5/32 = 15,6%; Khá: 27/32 = 84,4%).

- Xếp loại CCVC, đạt HTXSNV: 8/54=14,8%, HTTNV: trên 44/54= 81,5%, HTNV: dưới 3,7%

- Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe: Tổ chức ăn 3 bữa/ngày đủ định lượng, chất lượng; đảm bảo vệ sinh ATTP. Đủ nước uống hợp vệ sinh. Thực hiện tốt công tác y tế chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, phấn đấu có 100% HS đủ sức khỏe học tập. Đảm bảo nền nếp ăn ở sạch sẽ phấn đấu mỗi lớp có 01 phòng ở văn hoá.

**2.2.1.6. Xây dựng trường học Đạt Chuẩn quốc gia:** Năm 2022, nhà trường được đánh giá kiểm định chất lượng mức độ 2 và được công nhận lại Chuẩn Quốc gia.

### **2.3. Nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2022**

Tổng nhu cầu kinh phí: 18.635 triệu đồng, trong đó:

+ Chi thường xuyên: 8359 triệu đồng (trong đó chi lương vào các khoản có tính chất lương 7069 triệu đồng).

+ Chi thực hiện các chế độ chính sách học sinh: 10.276 triệu đồng (Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách của TW, địa phương, Chế độ 109: 8.607 triệu đồng;

các chế độ khác: 304 triệu đồng; Kinh phí thực hiện các khoản đặc thù khác: 382 triệu đồng, Khoản ngoài định mức: 63 triệu đồng, Thực hiện các chế độ, chính sách và một số nhiệm vụ trung ương bổ sung có mục tiêu: 920 triệu đồng).

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

#### **3.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức**

Tăng cường các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 nghiêm túc, đúng hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT và ngành y tế. Tiếp tục duy trì kỷ cương, nề nếp, đảm bảo an ninh, an toàn trường học, nhất là phòng chống dịch Covid-19, tạo môi trường giáo dục, học tập, làm việc thân thiện, lành mạnh.

#### **3.2. Về phát triển mạng lưới trường, lớp học.**

Duy trì 14 lớp từ lớp 6 đến lớp 12 với 490 HS, trong đó mỗi lớp 35 HS.

#### **3.3. Đổi mới, nâng cao năng lực công tác chỉ đạo, quản trị**

- Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CBGVNV đặc biệt nhấn mạnh nội dung “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Tích cực bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT mới, xây dựng đội ngũ có phẩm chất, năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện nay.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Quản lý theo chuẩn (dạy học đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, đánh giá cán bộ quản lý theo chuẩn Hiệu trưởng, đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp, tự đánh giá, bổ sung hoàn thiện trường học theo chuẩn chất lượng trường THPT, tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia theo quy định mới, đánh giá xếp loại CCVC...).

- Thực hiện quản lý nhà trường bằng quản lý công việc, quản lý kế hoạch, quản lý chất lượng, hiệu quả công việc. Củng cố, phát huy vai trò của các tổ chức trong trường theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đặc biệt đối với tổ chuyên môn, tổ chủ nhiệm. Tăng cường tính tích cực, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính sáng tạo của từng chức danh đối với các nhiệm vụ được giao (Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, GVCN, giáo viên bộ môn, nhân viên trường học, người đứng đầu các bộ phận). Thực hiện công khai kế hoạch tuần, tháng, lịch công tác của cán bộ quản lý để CBGV, NV theo dõi, giám sát và thuận lợi trong công tác.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý (Tăng cường sử dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học của giáo viên, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh, sắp xếp thời khoá biểu, quản lý thư viện trường học,...): Sử dụng phần mềm VnEdu trong quản lý nhà trường, sổ liên lạc điện tử, thực hiện chuyên đổi số trong tổ chức và quản lý nhà trường

- Công tác tham mưu, dân vận: Tuyên truyền, đẩy mạnh công tác XHH giáo dục, thường xuyên liên lạc với Hội cha mẹ HS để tăng cường sự phối hợp chặt chẽ ba môi trường giáo dục, ngăn chặn sự vi phạm pháp luật của HS nhằm nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục toàn diện. Phối hợp tốt với UBND thị trấn và Công an Huyện, công an thị trấn để làm tốt công tác an toàn xã hội trong khu vực.

#### **3.4. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện**



- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.  
+ Xây dựng và thực hiện chương trình giáo dục nhà trường theo hướng tự chủ, tinh giản tiếp cận với chương trình giáo dục phổ thông mới, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức trách nhiệm của công dân với cộng đồng, với xã hội.

+ Thực hiện chuyên đề hiệu trưởng, hiệu phó làm nòng cốt chuyên môn.

+ Tăng cường công tác Bồi dưỡng giáo viên nhằm đáp ứng đổi mới chương trình SGK mới: Mà nòng cốt là tự bồi dưỡng.

+ Tăng cường công tác kiểm tra của lãnh đạo nhà trường, tổ trưởng chuyên môn về việc thực hiện nhiệm vụ dạy học của giáo viên. Kiểm tra từ thực hiện nề nếp, quy chế, hồ sơ chuyên môn, thực hiện nội dung giảng dạy, ra đề kiểm tra, chấm bài kiểm tra theo chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học đến tổ chức giờ dạy nhằm trao đổi, tư vấn, thúc đẩy chuyên môn nâng cao chất lượng.

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp tổ chức dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh.

+ Quản lý chuyên môn theo quy chế hiện hành: Quản lý chặt chẽ, nghiêm túc khâu thiết kế bài giảng, soạn giáo án; công tác thi, kiểm tra ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm thi và nhận xét đánh giá; thực hiện các biện pháp phù hợp để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Phối hợp Công đoàn, ĐTN xây dựng kế hoạch và triển khai phát động các đợt thi đua chào mừng các ngày lễ lớn của ngành, của đất nước trong CBGV, HS.

- Thực hiện dân chủ hóa, công khai hóa các hoạt động quản lí, hoạt động giáo dục; xã hội hóa, tích cực hội nhập, tiếp cận tư tưởng và phương pháp quản lý hiện đại; hướng tới yêu cầu giáo dục chất lượng cao.

- Thực hiện Chương trình GDPT mới đối với lớp 6 (năm học 2021- 2022); chuẩn bị các điều kiện về BD đội ngũ, chuẩn bị CSVC, TBDH để thực hiện thay sách lớp 7,10 vào năm học 2022- 2023.

### **3.5. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục**

- Tích cực bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đội ngũ chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT mới, xây dựng đội ngũ có phẩm chất, năng lực, trình độ cao đáp ứng yêu cầu của giáo dục hiện nay. Khuyến khích giáo viên tích cực, chủ động đăng ký tham gia các chương trình bồi dưỡng theo phương thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp.

- Hiệu trưởng chủ động rà soát đội ngũ, bố trí, sắp xếp công việc cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng năng lực, vị trí việc làm. Tổ chức đánh giá, xếp loại chuyên môn giáo viên đảm bảo trung thực, khách quan, công bằng; phân loại được đội ngũ trong từng học kỳ.

- Thực hiện CBQL là nòng cốt chuyên môn. Nâng cao chất lượng và phát huy hiệu quả của thi giáo viên dạy giỏi các cấp, giáo viên chủ nhiệm giỏi...

- Hiệu trưởng tăng cường công tác kiểm tra nhằm điều chỉnh những sai sót, lệch lạc; biến quá trình kiểm tra thành quá trình tự kiểm tra, tự đánh giá của giáo viên.

### **3.6. Về tài chính, CSVC và trang thiết bị cho dạy học:**

- Bảo quản và sử dụng có hiệu quả các CSVC được trang bị, bố trí khoa học có hiệu quả các CSVC trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Nâng cao trách nhiệm của các nhân viên thực hiện quản lý các CSVC nhà trường. Rà soát lại các CSVC có kế hoạch bổ sung, thủ tục tham mưu.

- Công tác tài chính: Trên cơ sở cân đối nguồn kinh phí hiện có, chỉ đạo, tổ chức thảo luận xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ, báo cáo Sở GD&ĐT và kho bạc Huyện. Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính theo qui chế chi tiêu nội bộ. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với CBQL, giáo viên, nhân viên, HS theo các văn bản pháp quy của Nhà nước đã ban hành. Thực hiện báo cáo tài chính, công khai theo quy định.

### **Hệ thống biểu mẫu (kèm theo)**

#### **4. Những kiến nghị đề xuất:**

- Để các hoạt động dạy, học và các hoạt động giáo dục của nhà trường có hiệu quả an toàn đề nghị Sở GD&ĐT, UBND huyện tham mưu với các cấp có thẩm quyền sớm triển khai ngày cấp sửa chữa tổng thể trường PTDT Nội trú THCS&THPT Bắc Hà.

- Để các hoạt động của nhà trường đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia (lộ trình đăng ký đánh giá ngoài tháng 4/2022).

- Thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 P. Hiệu trưởng; bổ sung 01 GV Văn THPT; 01 vị trí Văn thư; 01 cán bộ CNTT.

- Đầu tư, trang cấp 01 phòng tin học cho HS; 01 phòng Mỹ thuật.

- Sửa chữa nhà đa năng và xây dựng lại tường rào đảm bảo an toàn trường học.

Đề nghị sở GD&ĐT, UBND huyện xem xét.

Trên đây là kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục năm học 2022-2023 của trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bắc Hà./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND huyện (Phê duyệt);
- Sở GD&ĐT- KHTC (Phê duyệt);
- Lưu VP.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lưu Thị Minh Đức**

**PHÊ DUYỆT CỦA UBND HUYỆN**

**PHÊ DUYỆT SỞ GD&ĐT**